

Số: 208/2020/HC-PT

Ngày: 24/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 441/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2019/HC-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4995/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị M, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông Phạm Quang X, luật sư Công ty luật TNHH XTVN thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trần Hồng L, luật sư văn phòng luật sư Lĩnh Chính T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Sơn -

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Văn bản ủy quyền số 22/QĐ-UBND ngày 09/01/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; trụ sở: Số 90, đường T, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Luật sư Nguyễn Văn C - Công ty Luật TNHH Hà Nam; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn M1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Tổng Công ty V; trụ sở: Tầng 16-17, Tòa nhà V, số 1, Đại lộ Thăng Long, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S- Quyền Giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị V, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Dương Văn T, sinh năm 1948; chị Dương Thị T1, sinh năm 1982; chị Dương Thị Thu H1, sinh năm 1984; anh Dương Quốc V1, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam;

+ Chị Dương Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 5, xã đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước;

+ Chị Dương Thị L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, chị T1, chị H1, anh V1, chị N và chị L1: Bà Dương Thị M, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Dương Cương, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Dương Thị M trình bày:

Ngày 27/12/2001, Hộ gia đình bà Dương Thị M được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 307780 với tổng diện tích 3.402m² đất trồng lúa; trong đó có 252m² đất bị thu hồi tại thửa số 230(5), Tờ bản đồ số 6 tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Ủy ban nhân dân huyện K đã thu hồi thửa đất của gia đình bà, nhưng gia đình không nhận được Quyết định thu hồi đất và bất kỳ một văn bản, tài liệu nào. Đến ngày 11/9/2018, ông Dương Văn H2 là Trưởng xóm mới đưa cho gia đình một Bảng tính giá trị bồi thường và bảo gia đình bà đi nhận tiền, gia đình

không đồng ý. Việc Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất của gia đình bà là không đủ căn cứ pháp lý, không đúng mục đích, không đúng trình tự, thủ tục và không giao cho gia đình bà các Quyết định là không đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện K giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất bị thu hồi của gia đình bà; Hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 252m² đất trồng lúa, thuộc thửa số 230(5), Tờ bản đồ số 6 đứng tên hộ bà Dương Thị M. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của thửa đất để trả lại cho gia đình bà. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà theo giá thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện K giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất bị thu hồi của gia đình bà và hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/8/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 6100/BKHĐT- QLKKT trình Thủ tướng Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV tại địa bàn các xã N, N, Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 05/8/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1387/TTg-KTN, đồng ý chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam; Chủ đầu tư là Tổng Công ty V với diện tích quy hoạch 300ha tại các xã N, N và Đ, huyện K.

Ngày 05/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 12/10/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Công văn số 2409/UBND-NN&TNMT về việc đồng ý chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện K triển khai thực hiện công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng theo quy hoạch để phục vụ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K (giai đoạn 2) tại địa bàn các xã N, N và Đại Cưng.

Ngày 19/8/2016 và ngày 12/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành các Công văn số 1887/UBND-NN&TNMT; Công văn số 2409/UBND-NN&TNMT giao Ủy ban nhân dân huyện K phối hợp các ngành có liên quan thực hiện việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất đã thu hồi cho chủ đầu tư.

Ngày 11/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Thông báo số 240/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2- đợt 6) tại xã N, Đ, huyện K. Ngày 09/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện K đã chỉ đạo Hội đồng Giải phóng mặt bằng (GPMB) huyện K, Trung tâm phát triển Quỹ đất, các cơ quan chuyên môn có liên quan phối hợp tổ chức Hội nghị triển khai công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Tại Hội nghị, đại diện Hội đồng GPMB huyện K đã thông qua các văn bản chủ trương thực hiện dự án, chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB, Thông báo thu hồi đất và trao Thông báo thu hồi đất tới các hộ dân dự Hội nghị, giải thích ý kiến thắc mắc của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Đồng thời, tiến hành niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất và các văn bản có liên quan tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 7833/QĐ-UBND về việc thu hồi 252m² đất trồng lúa thuộc thửa số 230(5), Tờ bản đồ số 6 của hộ bà Dương Thị M (Dương Văn T) tại xã Đ, huyện K và ban hành Quyết định số 7895/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai, cây trồng của các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, hộ bà M được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 43.848.000 đồng. Hộ gia đình bà M đã nhận đủ số tiền, được thể hiện tại Biên bản thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB ngày 12/11/2018 (ông T chồng bà M đã nhận). Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện K không ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất và các thủ tục cưỡng chế kèm theo đối với hộ bà M. Đề nghị bác đơn khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam và Công ty V đều khẳng định các văn bản ban hành trong quá trình triển khai Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng đã đảm bảo theo đúng trình tự, thẩm quyền và các quy định của pháp luật. Dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, được Thủ tướng chấp thuận. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K có quan điểm: Theo phương án giao chia tiêu chuẩn 115, hộ bà Dương Thị M có 7 khẩu (bà M, ông T, chị T1, chị H1, anh V1, chị N, chị L), tổng diện tích 3.402m². Năm 2013, đã có sự biến động gộp đất làm đường, nghĩa trang, bãi rác là 30m², còn lại 3.372m². Trong đó, diện tích nằm trong quy hoạch khu công nghiệp Đồng Văn IV không tham gia đền bù là 252m² tại thửa 230 (5), tờ bản đồ số 6.

Việc thực hiện quy trình thu hồi đất và ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà M đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai,

Thông tư số 30/2014-BTNMT và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu hồi, bồi thường trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Văn T, chị Dương Thị T1, chị Dương Thị Thu H1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Kim N, chị Dương Thị L1 (là chồng và các con của bà M): Thống nhất trí quan điểm khởi kiện của bà M và ủy quyền cho bà Dương Thị M giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 43/2018/HCST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hành vi hành chính (buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ) và đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Dương Thị M.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 230(5), tờ bản đồ số 6, diện tích 252m² đất trồng lúa của gia đình bà M và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà M theo giá thỏa thuận. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2019, người khởi kiện là bà Dương Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị M và Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà M cho rằng việc thu hồi đất là không có căn cứ, Khu công nghiệp Đồng Văn IV có quy mô 600ha nhưng chưa có quyết định phê duyệt của Quốc hội; Văn bản số 1387/TTg-KTN ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ chỉ là công văn đồng ý về chủ trương, không phải là quyết định phê duyệt dự án nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam lại căn cứ vào văn bản này để cưỡng chế thu hồi đất cho Công ty V thuê là không đúng pháp luật. Dự án này không phải dự án vì lợi ích của nhân dân mà vì mục đích kinh doanh siêu lợi nhuận nên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất, nhưng không giao các thủ tục thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ dân có đất bị thu hồi là vi phạm trình tự, thủ tục thu hồi đất và mức bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi của người dân. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và còn nhiều tài

liệu, chứng cứ quan trọng, nhưng chưa được thu thập đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của đương sự đã kết luận: Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng ban hành các thông báo, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quá trình thực hiện thu hồi đất, gia đình bà M cũng hợp tác tham gia kiểm đếm và đã nhận tiền bồi thường. Đây là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên việc bà M yêu cầu được thỏa thuận về giá đất thu hồi với chủ đầu tư dự án là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần bà M đã rút yêu cầu và bác yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Dương Thị M đề nghị tiến hành xét xử, Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà M đề nghị tạm ngưng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy phiên tòa này được mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên quyết định tiến hành xét xử.

[1.2]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị M; Quyết định số 7895/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11) kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 65 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị M là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/10/2018, bà Dương Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị M; Quyết định số 7895/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11) kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 65 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Kim B đối với hộ bà Dương Thị M là vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4]. Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.5]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 09/11/2019, bà Dương Thị M có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tổ tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Dương Thị M đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị M; Quyết định số 7895/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11) kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 65 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị M được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về bổ sung các dự án thu hồi đất và dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công

ng nghiệp Đồng Văn 4, huyện K, tỉnh Hà Nam được Thủ tướng Chính Phủ đồng ý chủ trương đầu tư tại Văn bản số 1387/TTg-KNT ngày 05/8/2016, chủ đầu tư là Tổng công ty V với diện tích quy hoạch 300ha đất tại các xã N, N và Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 05/8/2016.

Ngày 19/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung các dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Nam bao gồm dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại các Văn bản số 2409/UBND-NN&TNMT ngày 12/10/2016 và Văn bản số 1887/UBND-NN&TNMT ngày 19/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đồng ý về chủ trương Ủy ban nhân dân huyện K triển khai thực hiện công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng để bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Ngày 11/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Thông báo số 240/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2) tại xã Đại Cương, tổ chức họp dân công khai chủ trương, chính sách liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV tại xã Đại Cương; thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân và thực hiện niêm yết công khai các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và nhà văn hóa thôn theo quy định của pháp luật và tổ chức đối thoại với dân. Gia đình bà M đã hợp tác kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất thu hồi và xác nhận số liệu tại Biên bản kiểm kê số 63/BBKK-TTPTQĐ ngày 18/8/2018. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, Trưởng thôn, xóm đã tiến hành giao trực tiếp các văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất và phương án phê duyệt bồi thường cho hộ bà M, nhưng gia đình bà M không ký biên bản giao nhận quyết định nên phải lập biên bản về việc không nhận và tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa xóm, thông báo trên đài truyền thanh xã.

[2.2.3] Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 7833/QĐ-UBND về việc thu hồi 252m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 230 của hộ bà Dương Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 7895/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 65 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ ông Dương Văn T (là chồng của bà M). Theo đó, hộ bà M được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 43.848.000đ cụ thể: Bồi thường về đất là 12.600.000 đồng; bồi thường về cây lúa là 2.268.000đ; hỗ trợ ổn định đời sống là 3.780.000 đồng và hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm là 25.200.000đ. Các quyết định này đã được giao cho gia đình bà M, nhưng gia

đình bà M không nhận các quyết định, nhưng đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt vào ngày 12/11/2018 (do ông T, chồng bà M nhận) và cam kết bàn giao mặt bằng sau 05 ngày kể từ ngày nhận tiền nên Ủy ban nhân dân huyện K không ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà M.

[3] Đối với kháng cáo của bà Dương Thị M cho rằng mức bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là thấp thấy rằng: Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính Phủ quy định về khung giá đất được sử dụng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất tại địa phương. Trên cơ sở văn bản này, ngày 19/12/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2015- 2020 và Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 quy định giá đất làm căn cứ bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/12/2017 thì giá bồi thường đất nông nghiệp tại khu vực đồng bằng là 50.000đ/m². Do đó, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất gia đình bà M bị thu hồi với số tiền 50.000đ/m² là phù hợp và đúng với quy định về giá bồi thường đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

[4] Việc bà Dương Thị M cho rằng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K là dự án xây dựng khu nhà ở cao cấp với mục đích kinh doanh thương mại để thu lợi nhuận, không thuộc trường hợp Nhà nước phải ra quyết định thu hồi đất để yêu cầu chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất thu hồi với người có đất bị thu hồi thấy: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

[5] Đối với kháng cáo của bà M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ để làm rõ quy mô thu hồi 600ha đất nông nghiệp thấy rằng: Tại Văn bản số 1387/TTg-KNT ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính Phủ đồng ý chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K, tỉnh Hà Nam, chủ đầu tư là Tổng công ty V với diện tích quy hoạch 300ha đất tại các xã N, N và Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Các tài liệu, chứng cứ Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà M yêu cầu đã được thu thập đầy đủ và công khai tài liệu, chứng cứ tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; việc Luật sư yêu cầu thẩm định toàn bộ diện tích dự án là vượt quá phạm vi khởi kiện và những yêu cầu này cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án và chỉ làm kéo dài vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Luật sư là có cơ sở. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà M.

[6] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy Ủy ban nhân dân huyện K đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục, trình tự thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bằng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất bị thu hồi của gia đình bà M và đình chỉ yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế quyết định thu hồi đất đối với thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Dương Thị M; bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M đề nghị hủy các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bằng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đối với thửa đất số 230, Tờ bản đồ số 6 diện tích 252m² đất lúa tại của hộ gia đình bà M và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của thửa đất để trả lại cho gia đình M. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà M theo giá thỏa thuận là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do bà Dương Thị M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2019/HC-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 74, Điều 83; Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính Phủ quy định về khung giá đất.

1- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Dương Thị M.

2- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 230 (5), Tờ bản đồ số 6 diện tích 252m² đất lúa của hộ gia đình bà M và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà M theo giá thỏa thuận. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4- Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho bà Dương Thị M. Hoàn trả cho bà Dương Thị M số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002947 ngày 26/3/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh